

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hoàng Xuân Dâu

2. Ngày tháng năm sinh: 23/05/1969; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thái Hưng, Hưng Hà, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 406-B8, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904534390;

E-mail: dauhx@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 07,1991 đến tháng, năm 05,1992: Nhân viên kỹ thuật tại Công ty gang thép Thái Nguyên

Từ tháng, năm 06,1994 đến tháng, năm 08,1998: Nhân viên kỹ thuật tại Công ty gang thép Thái Nguyên

Từ tháng, năm 09,1998 đến tháng, năm 07,1999: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 03,2001 đến tháng, năm 08,2001: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 05,2006 đến tháng, năm 07,2007: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 08,2007 đến tháng, năm 09,2013: Trưởng Bộ môn, Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 10,2013 đến tháng, năm 11,2020: Trưởng Bộ môn, Giảng viên chính tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ tháng, năm 12,2020 đến tháng, năm 07,2021: Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, Trưởng Lab nghiên cứu, Giảng viên chính tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn, Trưởng Lab nghiên cứu, Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: Km 10 đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02433510432

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 30 tháng 05 năm 1991, số văn bằng: A83989, ngành: Luyện Kim, chuyên ngành: Luyện Kim; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 30 tháng 05 năm 1994, số văn bằng: A92909, ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 28 tháng 04 năm 1998, số văn bằng: B125255, ngành: Ngoại Ngữ, chuyên ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học ngoại ngữ Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 18 tháng 12 năm 2000, số văn bằng: 218547, ngành: Công nghệ, chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Hoàng gia Melbourne (RMIT), Úc

- Được cấp bằng TS [5] ngày 13 tháng 12 năm 2006, số văn bằng: 0616228, ngành: Khoa học ứng dụng, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Hoàng gia Melbourne (RMIT), Úc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bảo mật thông tin
- Phát hiện bất thường
- Phát hiện mã độc
- Phát hiện tấn công, xâm nhập

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức

danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 28 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giấy khen về thành tích NCKH	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2018

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt thời gian công tác tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông với vai trò là giảng viên từ năm 1998 đến nay (tháng 7/2021), tôi luôn cố gắng phấn đấu đảm bảo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục Việt Nam và các văn bản liên quan của Nhà nước, của đơn vị công tác quy định về nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng và đối xử công bằng đối với sinh viên, học viên; luôn cố gắng tham gia bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của sinh viên, học viên.

Trong công tác giảng dạy: Luôn chủ động tìm tòi, học hỏi, cập nhật các kiến thức mới liên quan đến các môn học được giao phụ trách. Để tăng tính hấp dẫn của bài giảng, tôi thường chú ý cập nhật và liên hệ nội dung môn học, hoặc chuyên đề với các vấn đề nóng, hoặc phát sinh trong thực tế và định hướng giúp sinh viên học cách đặt vấn đề, phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề. Từ năm 2012, tôi được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết ngành đào tạo đại học An toàn thông tin - là ngành đào tạo hoàn toàn mới tại Việt Nam. Tiếp theo từ năm 2013, tôi được giao phụ trách bộ môn An toàn thông tin có trách nhiệm giảng dạy các môn học chuyên ngành An toàn thông tin. Đây là nhiệm vụ mới và có nhiều thách thức, nhưng tôi và các thầy cô trong bộ môn đã tích cực tìm tòi, học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Về việc thực hiện định mức giờ chuẩn theo quy định của giảng viên, tôi thường xuyên thực hiện vượt khối lượng giảng dạy,

với trên 450 giờ chuẩn/năm trong giao đoạn từ năm học 2010-2011 đến nay.

Trong công tác nghiên cứu: Luôn tích cực, chủ động tìm tòi sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu trong điều kiện cho phép tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Tích cực chủ động tổ chức hợp tác nghiên cứu có hiệu quả với đồng nghiệp tại Học viện và với các đối tác ở trong và ngoài nước, như Khoa An toàn thông tin - Học viện Kỹ thuật mật mã, Khoa Công nghệ thông tin – Đại học Đà Lạt, Cục An toàn thông tin, Đại học viễn thông St. Petersburgs - Nga, Học viện UNSW-ADFA tại Canberra – Úc. Năm 2016, tôi được giao phụ trách Phòng thí nghiệm An toàn thông tin thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và đã lãnh đạo Nhóm nghiên cứu an toàn thông tin tại Học viện thực hiện thành công đề tài nghiên cứu cấp nhà nước “Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử, mã số KC.01.05/16-20” trong khoảng thời gian 2017-2019. Tính đến tháng 7/2021, tôi đã biên soạn 01 giáo trình phục vụ đào tạo đại học tại Học viện và công bố 28 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế (là tác giả chính của 16 bài), trong đó có 09 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (bao gồm 01 bài hạng SCIE Q2, 01 bài hạng SCIE Q4, 03 bài hạng ESCI Q2, 03 bài hạng ESCI Q3 và 01 bài hạng Scopus Q4). Các bài báo này đã có 477 lượt trích dẫn, đạt điểm H-index là 7, tính đến ngày 8/7/2021, theo thống kê của Google Scholar (<https://scholar.google.com/citations?user=OUx-Gs4AAAAJ>). Các bài báo cũng thu hút số lượng tải/đọc là 13.600 lượt, tính đến ngày 8/7/2021, theo thống kê của trang ResearchGate (https://www.researchgate.net/profile/Dau_Hoang).

Đánh giá chung: Tôi nhận thấy rằng tôi đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên đại học; có tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nghề và luôn tận tâm trong công việc; có tác phong làm việc nghiêm túc và chuyên nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 16,6 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)

Chính	Phụ	ĐH	SDH					
1	2015-2016		1		6	423.8	30	453.8/ 463.4/ 216
2	2016-2017		1		4	612.4	30	642.4/ 652/ 216
3	2017-2018	2	1	2	7	486	60	516/ 538.5/ 216
03 năm học cuối								
4	2018-2019	2		2	5	565	30	595/ 607.9/ 216
5	2019-2020	2		2	6	603.6	30	633.6/ 646.5/ 216
6	2020-2021	1		1	6	513.8	30	543.8 / 556.7 / 216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Australia năm 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học ngoại ngữ Hà Nội số bằng: B125255; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt Nam Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân tiếng Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Thị Ngọc Anh	X			X	01/2012 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	27/02/2019
2	Vương Minh Việt		X	X		07/2019 đến 12/2019	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	16/03/2020

3	Đặng Trần Lê Anh		X	X		07/2018 đến 12/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	20/03/2019
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh		X	X		07/2018 đến 12/2018	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	20/03/2019
5	Ninh Thị Thu Trang		X	X		07/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	02/2/2018
6	Nguyễn Văn Khoa		X	X		07/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	02/2/2018

1	Giáo trình Cơ sở an toàn thông tin	GT	NXB Thông tin và Truyền thông, năm 2020	1	MM	(100%)	QĐ số 297/QĐ-HV ngày 13/5/2020 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
---	------------------------------------	----	---	---	----	--------	---

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 ([1])

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ						
1	Nghiên cứu, phát triển hệ thống phân tích vết truy cập dịch vụ cho phép phát hiện, cảnh báo hành vi bất thường và nguy cơ mất an toàn thông tin trong Chính phủ điện tử	CN	KC.01.05/16-20, cấp Nhà nước	01/10/2017 đến 30/09/2019	Nghiệm thu cấp nhà nước ngày 3/01/2020, Kết quả loại Đạt	

2	Xây dựng hệ thống tư vấn trực tuyến các câu hỏi của khách hàng	CN	01-2008- HV- CNTT, cấp Cơ sở	01/09/2008 đến 31/12/2008	Nghiệm thu ngày 25/12/2008, Kết quả loại Tốt
3	Xây dựng mô hình phát hiện đột nhập bất thường dựa trên đa phát hiện và suy diễn mờ	CN	01-2012-HV- CNTT, cấp Cơ sở	01/03/2012 đến 31/12/2012	Nghiệm thu ngày 06/12/2012, Kết quả loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Selection and Implementation of a Data Encryption Model for E-Commerce Secure Transactions	3	Không	IEEE International Conference on Telecommunication s, Bucharest, Romania		1		06/2001

[illegible]

5	A program-based anomaly intrusion detection scheme using multiple detection engines and fuzzy inference	3	Có	Journal of Network and Computer Applications	SCIE, Scopus Q2 - SCIE <i>IF: 5.57</i>	134	32, 6, 1219–1228	11/2009
6	An embedded DSP hardware encryption module for secure e-commerce transactions	3	Không	Security and Communication Networks	SCIE Q4 - SCIE <i>IF: 1.288</i>	9	4, 8, 902-909	10/2010
7	A crossed-domain sentiment analysis system for the discovery of current careers from social networks	2	Không	SoICT '14: Proceedings of the 5th Symposium on Information and Communication Technology, Hanoi, Viet Nam		6	226-231	12/2014
8	Dự Báo Dịch Tả Dựa Trên Mô Hình Học Máy Phân Lớp	2	Không	Hội Thảo Quốc Gia 2015 về Điện Tử, Truyền Thông và CNTT: REV-ECIT 2015, TP. HCM, Việt Nam			348-352	12/2015

9	Cholera forecast based on mining association rules	3	Không	International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel), Da Nang, Vietnam, 2015			138-143	12/2015
10	Kỹ thuật học máy phân lớp với dự báo dịch tả	4	Không	Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ, Đại Học Đà Nẵng			100, 3, 1-4	05/2016
11	A Review on Hot-IP Finding Methods and Its Application in Early DDoS Target Detection	2	Có	Future Internet, MDPI	ESCI, Scopus Q3 - ESCI IF: 3.64	1	8, 4	10/2016
12	Phát hiện trạng thái di chuyển bằng xe máy dựa trên smartphones	2	Có	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật, Chuyên san Công nghệ thông tin và Truyền thông - Học viện Kỹ thuật quân sự			9, 118-130	12/2016
13	Thiết Lập Công Cụ Mô Phỏng Dự Báo Dịch Tả Bằng Công Nghệ GIS	3	Không	Tạp Chí Khoa Học và Công Nghệ, Đại Học Thái Nguyên			166, 6, 21 - 26	05/2017

14	A GIS-based Model for Cholera Forecast	2	Không	Proceedings ITISE 2017: International Work-Conference on Time Series, Granada, Spain			305-315	09/2017
15	Botnet Detection Based On Machine Learning Techniques Using DNS Query Data	2	Có	Future Internet, MDPI	ESCI, Scopus Q3 - ESCI <i>IF</i> : 3.64	47	10, 5	05/2018
16	Khảo sát các nền tảng và kỹ thuật xử lý log truy cập dịch vụ mạng cho phát hiện nguy cơ mất an toàn thông tin	2	Không	Tạp Chí Khoa Học Đại Học Đà Lạt			8, 2, 89-108	05/2018
17	A Website Defacement Detection Method Based on Machine Learning Techniques	1	Có	SoICT '18: Proceedings of the 9th Symposium on Information and Communication Technology, Da Nang, Viet Nam		9	443-448	12/2018

18	Detecting Website Defacements Based on Machine Learning Techniques and Attack Signatures	2	Có	Computers, MDPI	ESCI, Scopus Q2 - ESCI <i>IF: 2.316</i>	7	8, 2	05/2019
19	Phát hiện DGA botnet sử dụng kết hợp nhiều nhóm đặc trưng phân loại tên miền	2	Không	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT (FAIR); Huế, ngày 7-8/6/2019			369-378	06/2019
20	Phát hiện botnet dựa trên học máy sử dụng dữ liệu truy vấn DNS: Phân tích ảnh hưởng của các đặc trưng huấn luyện	3	Có	Hội thảo quốc gia lần thứ XXII: Một số vấn đề chọn lọc của CNTT và truyền thông – Thái Bình, 28-29/6/2019			221-226	06/2019
21	A Multi-layer Model for Website Defacement Detection	2	Có	SoICT '19: Proceedings of the 9th Symposium on Information and Communication Technology, Hanoi-Ha Long bay, Viet Nam		1	508-513	12/2019

22	Detecting Common Web Attacks Based on Machine Learning Using Web Log	1	Có	K.-U. Sattler et al. (Eds.): ICERA 2020, Springer LNNS 178		1	311–318	12/2020
23	An Enhanced Model for DGA Botnet Detection Using Supervised Machine Learning	2	Có	D.-T. Tran et al. (Eds.): ICISN 2021, Springer LNNS 243			43-51	03/2021
24	Detecting common web attacks based on supervised machine learning using web logs	2	Có	Journal of Theoretical and Applied Information Technology	Scopus Q4 - Scopus IF: 0.6		99, 6	03/2021
25	A CNN- based model for detecting website defacements	2	Có	Tạp chí khoa học công nghệ thông tin và truyền thông			2021, 01(CS.01), 4-9	05/2021

26	A multi-layer approach for advanced persistent threat detection using machine learning based on network traffic	3	Không	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems	ESCI, Scopus Q2 - ESCI IF: 1.851		40, 6, 11311-11329	06/2021
27	An Improved Model for Detecting DGA botnets Using Random Forest Algorithm	2	Có	Information Security Journal: A Global Perspective	ESCI, Scopus Q2 - ESCI IF: 2.25		30, 2021	06/2021
28	Detection of Defacement Attacks Using the Combination of Web-page Text and Image Features	3	Không	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications	ESCI, Scopus Q3 - ESCI IF: 1.09		12, 7, 215-222	08/2021

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UỶ là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ([5] [11] [15] [18] [24] [27])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (***Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg***)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)